

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm Q3 năm 2026

VIỆN TRƯỞNG VIỆN VẬT LÝ

Căn cứ Quyết định số 167-QĐ/VHLKHCNVN, ngày 28/4/2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Vật lý;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-VHL ngày 31/12/2025 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 397/QĐ-VHL ngày 02/6/2026 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc giao chỉ tiêu, dự toán tiết kiệm chi NSNN năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm Q3 năm 2026 của Viện Vật lý (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Hình thức công khai: treo trên bảng tin và trên trang Web của Viện Vật lý

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Tổng hợp, Kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện HLKHCNVN: để b/c
- Lưu: VT,
Th.03.



(Biểu số 03 -Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VIỆN VẬT LÝ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÍ 3 NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

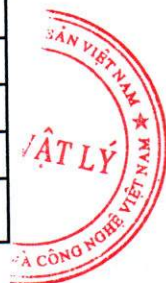
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

Đv tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 3 năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	30.458,8	20.797,3	68%	99%
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-		-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				

1	Chi quản lý hành chính	17.244,71	12.187,28	71%	102%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ chưa giao tự chủ	16.148,01	12.187,28	75%	104%
1.2	Kinh phí thực hiện chi khen thưởng và TN	1.065,60		0%	-
1.3	Kinh phí giao nguồn cải cách tiền lương	31,10		0%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	13.214,13	8.609,97	65,2%	92%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	8.878,00	7.509,18	84,6%	97%
2.1.1	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	8.128,00	6.909,18	85,0%	
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
2.1.2	<i>Nghiên cứu ứng dụng</i>	450,00	450,00	100,0%	
2.1.3	<i>Phát triển công nghệ</i>	300,00	150,00	50,0%	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (bao gồm cả các khoản kinh phí chi thường xuyên khác)				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.336,13	1.100,79	25,4%	56%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi đảm bảo xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				

1,1	Dự án A				
1,2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2,1	Dự án A				
2,2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3,1	Dự án A				
3,2	Dự án B				
...					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1,1	Dự án A				
1,2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2,1	Dự án A				
2,2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3,1	Dự án A				
3,2	Dự án B				
...	...				



Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Đinh Văn Trung